

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN
Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN
9 tháng đầu năm 2009



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	03 - 04
Báo cáo Kiểm toán	05
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2009	06 - 08
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất 9 tháng đầu năm 2009	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 9 tháng đầu năm 2009	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho 9 tháng đầu năm 2009	11 - 21

0005
CÔNG
CHÍNH
KINH VỤ
CHÍNH
VÀ KIỂM
PHÍA
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ công ty TNHH Thép Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000253 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sơ Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất thép (không sản xuất tại trụ sở), Mua bán, đại lý kỹ gửi hàng hóa, vật liệu xây dựng, sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu, ống nước, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp và phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội thất. Môi giới thương mại. Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. Sản lập mặt bằng. Lắp trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Gia công cơ khí. Sửa chữa máy nông nghiệp (không bao gồm sửa chữa tại trụ sở). Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Bổ sung: Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô. Đại lý mua bán, kỹ gửi hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại cơ sở). Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kinh doanh khu thương mại- dịch vụ, khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư kinh doanh cầu, cảng, bến bãi, kho bãi, nhà xưởng. Trồng rừng và khai thác rừng trồng. Mua bán, chế biến gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp và không chế biến tại trụ sở)./

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Anh Hùng	Ủy viên HĐQT
- Ông Đào Đức Toàn	Ủy viên HĐQT

Ban kiểm soát

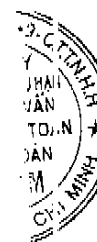
- Bà Trương Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Lê Thị Hồng Liễu	Thành viên ban kiểm soát
- Ông Cao Thị Hoài Thu	Thành viên ban kiểm soát

Ban tổng giám đốc

- Bà Phạm Thị Hồng	Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Quang	Phó tổng giám đốc
- Ông Dương Quang Bình	Phó tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó tổng giám đốc
- Bà Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Biên Hòa, ngày 05 tháng 12 năm 2009

TM. Ban Giám Đốc

Tổng giám đốc



Tổng Giám Đốc

Phạm Thị Hồng





SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL
CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: 38.205.944 - 38.205.947 • Fax: 38.205.942
Email: info@aascs.com.vn • Website: www.aascs.com.vn

Số: 652/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỢP NHẤT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2009 của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên

Kính gửi: - Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2009 được lập ngày 05 tháng 12 năm 2009 của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

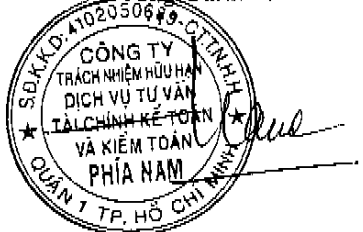
Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên tại ngày 30 tháng 9 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 12 năm 2009

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh
Chứng chỉ KTV D0064/KTV

Kiểm toán viên

Đinh Thế Đường
Chứng chỉ KTV 0342/KTV

2050
CÔNG
NHIỆM
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH VÀ
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. H



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		925.164.117.060	380.645.399.880
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	26.720.221.986	31.604.875.256
1. Tiền	111		26.720.221.986	31.604.875.256
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2	424.797.985.119	34.281.566.431
1. Phải thu khách hàng	131	2.1	341.366.708.272	29.873.964.888
2. Trả trước cho người bán	132	2.2	13.429.660.247	4.406.556.125
5. Các khoản phải thu khác	135	2.3	70.001.616.600	1.045.418
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	3	462.725.153.396	278.625.613.395
1. Hàng tồn kho	141		462.725.153.396	278.625.613.395
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4	10.920.756.559	36.133.344.797
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.1	1.312.934.573	1.464.562.206
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.2	2.232.638.366	840.555.894
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	4.3	-	4.230.497.780
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.4	7.375.183.620	29.597.728.917
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260+269)	200		177.712.651.334	123.420.297.068
II. Tài sản cố định	220		113.750.320.340	121.686.091.450
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	93.037.121.320	100.287.647.506
- Nguyên giá	222		148.984.387.623	147.121.128.601
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(55.947.266.303)	(46.833.481.095)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6	17.336.499.256	17.358.609.858
- Nguyên giá	228		18.153.008.057	18.125.008.057
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(816.508.801)	(766.398.199)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	3.376.699.764	4.039.834.086
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	55.000.000.000	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	8.1	48.000.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	8.2	7.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	9	8.962.330.994	1.734.205.619
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.1	1.249.571.265	670.397.142
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9.2	7.712.159.729	1.063.208.477
3. Tài sản dài hạn khác	268		600.000	600.000
VI. Lợi thế thương mại	269			0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.102.876.768.394	504.065.696.948

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		524.903.358.380	214.127.937.731
I. Nợ ngắn hạn	310	10	524.729.807.093	213.954.386.444
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	378.147.083.946	1.816.346.053
2. Phải trả người bán	312	10.2	105.490.356.394	15.119.022.269
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	1.989.737.473	3.460.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	20.044.197.987	10.541.340.417
5. Phải trả người lao động	315	10.5	1.169.049.449	618.375.339
6. Chi phí phải trả	316	10.6	-	35.702.971
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.7	17.889.381.844	56.015.599.395
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		173.551.287	173.551.287
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		173.551.287	173.551.287
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		577.973.410.014	289.937.759.217
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	556.904.976.265	255.498.902.209
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		449.530.000.000	226.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		21.815.431.550	2.253.982.547
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		85.559.544.715	27.244.919.662
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		8.773.671.795	23.023.111.795
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		8.773.671.795	23.023.111.795
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		12.294.761.954	11.415.745.213
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400+439)	440		1.102.876.768.394	504.065.696.948



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ : GIA. KP4. đường Đông Khởi. Phường Tân Hiệp. TP.Biên Hòa. Tỉnh Đồng Nai

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)		11.322	62.241.01
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đào Thị Kim Dung

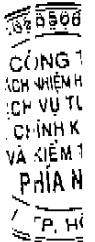
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN

Lập, ngày 5 tháng 12 năm 2009

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám Đốc

Phạm Thị Hồng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ : G1A, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

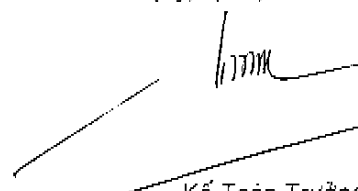
9 tháng đầu năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	1,542,655,267,751
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13	1,542,655,267,751
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	14	1,369,898,983,108
4. Giá vốn hàng bán	11	15	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		172,756,284,643
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	4,111,023,899
7. Chi phí tài chính	22	17	9,241,065,749
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,484,934,137
8. Chi phí bán hàng	24		3,832,779,533
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,565,239,635
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		6,228,223,625
11. Thu nhập khác	31	18	1,596,002,602
12. Chi phí khác	32	19	4,844,739,960
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3,248,737,358
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9,979,486,267
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		20,873,346,394
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6,648,951,252
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		78,755,091,125
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		5,371,097,215
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		73,383,993,910
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		

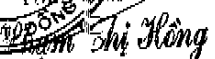
Lập, ngày 5 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Đào Thị Kim Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOANTổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Tổng Giám Đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: GIA. KP4. đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu năm 2009

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1		92.979.486.267
2. Điều chỉnh cho các khoản	2		9.236.284.443
- Khấu hao TSCĐ	3		-
- Các khoản dự phòng	4		(1.800.244.750)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	5		(773.963.396)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	6		13.484.934.137
- Chi phí lãi vay	8		139.818.077.630
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	9		(392.015.501.160)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	10		(184.095.540.001)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	11		37.462.171.976
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	12		(371.426.802)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13		(13.484.933.797)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.311.337.834)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		492.121.698.601
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(417.671.759.711)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20		(160.211.443.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.111.330.622)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		601.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.001.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.001.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(55.001.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.033.670.477
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(124.486.660.145)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu đã phát hành	31		223.531.000.000
2. Tiền thu từ phát hành trái phiếu	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		792.165.901.909
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(735.883.471.302)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	40		279.805.430.607
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50		(4.885.673.235)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	60		31.604.875.236
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	61		1.019.965
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	70		26.710.221.986
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)			

Lập, ngày 5 tháng 12 năm 2009

Tăng Giám đốc

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Đỗ Thị Kim Dung

Kế Toán Trưởng
ĐÀO THI KIM LOANGiám đốc
Phạm Thị Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu năm 2009

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ công ty TNHH Thép Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 449.530.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất thép (không sản xuất tại trụ sở). Mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa, vật liệu xây dựng, sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu, ống nước, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp và phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội thất. Môi giới thương mại. Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. Sản lắp mặt bằng. Lắp trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Gia công cơ khí. Sửa chữa. Máy nông nghiệp (không sửa chữa tại trụ sở). Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Bổ sung: Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại cơ sở). Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kinh doanh khu thương mại- dịch vụ, khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư kinh doanh cầu, cảng, bến bãi, kho bãi, nhà xưởng. Trồng rừng và khai thác rừng trồng. Mua bán, chế biến gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp và không chế biến tại trụ sở) /

3. Các công ty con**3.1 Số lượng các công ty con được hợp nhất : 02****3.2 Danh sách các công ty con được hợp nhất****a. Công Ty TNHH Thép Tây Nguyên**

Địa chỉ : Lô 12-14, Đường số 1 Khu Công Nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 97,35 %

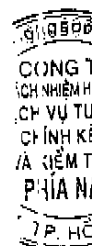
Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 97,35 %

b. Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đại Phúc

Địa chỉ : Lô 8 Song Hành, Khu Công Nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 95,83 %

Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 95,83 %

4. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:5. *Niên độ kế toán* của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm6. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:* Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

II Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.
3. **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Việt nam (VND) phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam. Số liệu để lập báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ các báo cáo tài chính của các công ty con.
4. **Các giao dịch bị loại khỏi báo cáo khi hợp nhất:**
 - Các số dư giữa các khoản phải thu, phải trả giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty bị loại bỏ;
 - Doanh thu bán hàng, giá vốn cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị trong cùng công ty;
 - Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con và phần vốn của công ty mẹ tại công ty con.

III Các chính sách kế toán áp dụng:

1. **Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- 1.2 **Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. **Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

- 2.1 **Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

- 2.2 **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo ngày.

- 2.3 **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Chưa lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1 Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Không phát sinh.

4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng: Không phát sinh.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế theo giá gốc.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

6. Hợp đồng thuê tài chính: Không phát sinh.

7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không phát sinh.

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

8.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

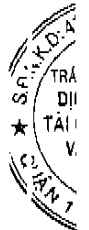
Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:
Không phát sinh

8.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

8.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

8.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8.5 Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: không phát sinh

9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

9.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

9.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

10.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

11. Kế toán các hoạt động liên doanh:

11.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

31060
CÔNG TY
KHAI HỮU
TƯ TƯ V
NHỊ KẾ T
ẾM TOÁ
A NAN
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

11.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp lên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lợi kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm: không phát sinh**14. Ghi nhận chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

15. Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi: Không phát sinh**16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: Không phát sinh****17. Nguồn vốn chủ sở hữu:****17.1 Ghi nhận cổ tức:**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

17.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**18.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIỆP TIỀN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

18.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

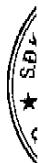
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

18.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẾP TIẾN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đông Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

1.1- Tiền mặt

1.2- Tiền gửi ngân hàng

Cộng tiền và các khoản tương đương tiền

Số cuối kỳ	Số đầu năm
20.922.753.116	23.261.925.584
5.797.468.870	8.342.949.672
26.720.221.986	31.604.875.256

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

2.1- Phải thu khách hàng

2.2- Trả trước cho người bán

2.3- Các khoản phải thu khác

- Phải thu công ty Bắc Nam

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nộp thừa

Cộng các khoản phải thu ngắn hạn

Số cuối kỳ	Số đầu năm
341.366.708.272	29.873.964.888
13.429.660.247	4.406.556.125
70.001.616.939	1.045.418
70.000.000.000	
1.616.939	1.045.418
424.797.985.458	34.281.566.431

3. HÀNG TỒN KHO

Giá gốc hàng tồn kho

- Hàng hóa

- Thành phẩm

- Nguyên liệu, vật liệu

- Công cụ, dụng cụ

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho

Số cuối kỳ	Số đầu năm
462.725.153.396	278.625.613.395
264.830.188.736	212.076.535.414
30.025.950.981	19.068.269.349
160.891.002.634	23.879.479.064
60.293.389	35.913.736
6.917.717.656	23.565.415.832
462.725.153.396	278.625.613.395

4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

4.1- Chi phí trả trước ngắn hạn (chi phí nhập hàng, công cụ dụng cụ phân bổ)

4.2- Thuế GTGT được khấu trừ

4.3- Thuế và các khoản phải thu nhà nước

- Thuế TNDN nộp thừa

4.4- Tài sản ngắn hạn khác

- Kỳ quỹ NH INCOMBAN- KCN Biên Hòa (# 179,203 USD)

- Kỳ quỹ NH VIETCOMBANK- KCN Biên Hòa

- Kỳ quỹ NH SACOMBANK Đồng Nai

- Kỳ quỹ ngắn hạn VIBANK- CN Đồng Nai (# 159,250 USD)

- Kỳ quỹ mở LC nhập khẩu - Ngân hàng Sacombank- CN Gò Vấp (# 69,528.00 USD)

- Ngân hàng Công Thương Biên Hòa

- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tân Phú

Tạm ứngCộng tài sản ngắn hạn khác

Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.312.934.573	1.464.562.206
2.232.638.366	840.555.894
	4.230.497.780
	4.230.497.780
7.375.183.620	29.597.728.917
3.193.514.273	2.538.723.603
	1.327.601.400
	9.279.186.798
2.835.924.000	
1.238.745.347	7.724.721.701
	5.544.307.915
	3.183.187.500
107.000.000	
10.920.756.559	36.133.344.797

10235
CỘNG
RÁCH HIỆP
DỊCH VỤ
ÀI CHÍNH
VÀ KIỂM
PHIA
7/1/1

5. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1 Số dư đầu kỳ	31.646.115.660	90.155.888.123	24.201.823.491	817.130.824	300.170.503	147.121.128.601
2 Số tăng trong kỳ		1.518.648.778	714.285.715	344.610.243		2.577.544.736
Bao gồm:						
- Mua trong kỳ		1,518,648,778	714,285,715	344,610,243		2,577,544,736
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						
- Tăng khác						
3 Giảm trong kỳ			714.285.714			714.285.714
Bao gồm:						
- Chuyển sang bất động sản						

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

dầu tư			714.285.714			714.285.714
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4 Số dư cuối kỳ	31.646.115.660	91.674.536.901	24.201.823.492	1.161.741.067	300.170.503	148.984.387.623
II. Giá trị hao mòn LK						
1 Số dư đầu kỳ	10.922.760.893	28.821.385.108	6.356.952.059	665.249.312	67.133.724	46.833.481.095
2 Tăng trong kỳ	1.043.462.021	6.036.990.176	1.977.227.533	94.760.302	33.733.809	9.186.173.841
- Khấu hao trong kỳ	1.043.462.021	6.036.990.176	1.977.227.533	94.760.302	33.733.809	9.186.173.841
- Tăng khác						
3 Giảm trong kỳ			72.388.633			72.388.633
Bao gồm:						
- Chuyển sang bất động sản						
- Thanh lý, nhượng bán			72.388.633			72.388.633
- Giảm khác						
4 Số dư cuối kỳ	11.966.222.914	34.858.375.284	8.261.790.959	760.009.613	100.867.533	55.947.266.303
III. Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu kỳ	20.723.354.767	61.334.503.015	17.844.871.432	151.881.512	233.036.779	100.287.647.506
2 Tại ngày cuối kỳ	19.679.892.746	56.816.161.617	15.940.032.533	401.731.454	199.302.970	93.037.121.320

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VỐ HÌNH

KHOẢN MỤC	Quyền SD Đất (*)	Phần mềm kế toán	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐVH khác	Tổng cộng
1. Nguyên giá					18.125.008.057
1 Số dư đầu năm	18.125.008.057				28.000.000
2 Số tăng trong năm		28.000.000			28.000.000
Bao gồm:					28.000.000
- Mua trong kỳ		28.000.000			
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
- Tặng do hợp nhất kinh doanh					
- Tặng khác					
3 Giảm trong năm					
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác (*)					
4 Số dư cuối kỳ	18.125.008.057	28.000.000			18.153.008.057
II. Giá trị hao mòn lũy kế					766.398.199
1 Số dư đầu kỳ	766.398.199				50.110.602
2 Tăng trong kỳ	46.610.901	3.499.701			50.110.602
- Khấu hao trong kỳ	46.610.901	3.499.701			
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm					
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác (*)					
4 Số dư cuối năm	813.009.100	3.499.701			816.508.801
III. Giá trị còn lại					17.358.609.858
1 Tại ngày đầu năm	17.358.609.858				17.336.499.256
2 Tại ngày cuối năm	17.311.998.957	24.500.299			

7. CHI PHÍ XDCB DỜ DANG

- Tổng số chi phí XD cơ bản dở dang :

Trong đó :

+ Dây chuyền máy cán

+ Lô đất 9D2 đường C (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

+ Chi phí khác

Cộng chi phí XDCB dở dang

Số cuối kỳ

3.376.699.764

Số đầu năm

4.039.834.086

3.350.517.946

26.181.818

3.376.699.764

4.039.834.086

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾP TIỀN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN		Số cuối kỳ	Số đầu năm
8.1 Đầu tư vào công ty liên kết		48.000.000.000	
- Công ty CP Thép Bắc Nam		48.000.000.000	
8.2 Đầu tư dài hạn khác		7.000.000.000	
- Công ty CPSXTM Phúc Tiến (700.000 cp)		7.000.000.000	
Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn		55.000.000.000	
9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC		Số cuối kỳ	Số đầu năm
9.1 Chi phí trả trước dài hạn		1.249.571.265	670.397.142
- Công cụ, dụng cụ		1.249.571.265	670.397.142
9.2-Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		7.712.159.729	1.063.208.477
9.3-Tài sản dài hạn khác - ký quỹ dài hạn		600.000	600.000
- Công ty Cổ phần Tân Tạo (Ký quỹ sử dụng nước)		600.000	600.000
Cộng tài sản dài hạn khác		8.962.330.994	1.734.205.619
10. NỢ NGẮN HẠN		Số cuối kỳ	Số đầu năm
10.1-Vay và nợ ngắn hạn		378.147.083.946	18.164.346.053
- NH Công Thương KCN (VND)		30.056.722.210	4.282.622.944
- Nguyễn Thị Thám			774.000.000
- Nguyễn Thị Oanh			419.084.667
- Vay ngắn hạn NH VIETCOMBANK_CN Biên Hòa (VND)		19.419.168.544	
- Vay ngắn hạn NH SACOMBANK CN Đồng Nai (VND)		78.189.732.544	
- Phạm Thị Hằng			200.000.000
- Nguyễn Văn Quang			1.500.000.000
- Vay ngắn hạn NH TMCP Quốc Tế VN-VIB Bank(VND)		12.508.816.725	
- Bà Phạm Thị Hồng			5.000.000.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hà			50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin CN. Gò Vấp (*)		36.030.000.000	29.814.854.607
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam CN. Sài Gòn (*)		5.462.000.000	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin CN. Gò Vấp (# 2,039,984.99 USD) (*)		36.262.347.789	
- Ngân hàng Cổ phần Nam Việt			11.106.132.699
- Ngân hàng Công Thương Biên Hòa		93.262.574.013	15.067.651.136
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin - CN Tân Phú		66.955.722.121	
10.2- Phải trả người bán		105.490.356.394	25.119.022.269
10.3- Người mua trả tiền trước		1.989.737.473	3.460.000.000
10.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		20.044.197.987	10.541.340.417
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.421.795.198	840.555.894
- Thuế GTGT đầu ra phải nộp		48.124.083	2.405.666.386
- Thuế môn bài		-	10.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân		10.156.966	11.529.326
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		17.343.148.401	4.015.637.621
- Thuế xuất, nhập khẩu		1.220.973.339	3.257.951.190
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.			
10.5- Phải trả người lao động		1.169.049.449	618.375.339
10.6- Chi phí phải trả			35.702.971
- Phải trả lãi vay			35.702.971
10.7- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		17.889.381.844	56.015.599.395
- Bảo hiểm y tế		4.067.250	3.947.538
- Bảo hiểm thất nghiệp		2.711.500	
- Bảo hiểm xã hội		133.500.994	20.383.177
- Kinh phí công đoàn		210.665.100	187.320.680
- Nguyễn Mạnh Hà		9.100.000.000	46.000.000.000
- Nguyễn Mạnh Hà (tiền thanh toán tiền bảo hiểm xe)		34.489.000	
- Phạm Thị Hồng		8.400.000.000	9.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Tiền ứng hộ bảo lư chưa nộp	3.948.000	3.948.000
Cộng nợ ngắn hạn	524.729.807.093	213.954.386.444

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

KHOẢN MỤC	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn CP	Vốn khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư cuối năm trước.					
Số dư đầu năm nay	226.000.000.000		2.253.982.547	27.244.919.662	255.498.902.209
Tăng vốn trong kỳ này	223.530.000.000				223.530.000.000
Lãi trong kỳ này				78.755.091.125	78.755.091.125
Tăng khác			19.561.449.003		19.561.449.003
Giảm vốn trong kỳ này					
Lỗ trong năm nay				20.440.466.072	20.440.466.072
Giảm khác					
Số dư cuối năm nay	449.530.000.000		21.815.431.550	85.559.544.715	556.904.976.265

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Bà Phạm Thị Hồng	14,55%	65.406.615.000	33.170.275.520
- Ông Nguyễn Mạnh Hà	16,39%	73.677.967.000	28.392.514.080
- Ông Nguyễn Văn Quang	11,51%	51.740.903.000	24.437.210.400
- Ông Phạm Minh Đức			30.000.000.000
- Ông Phạm Duy Quang			20.000.000.000
- Ông Lê Văn Trọng			10.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng			25.000.000.000
- Ông Phạm Minh Tuấn			15.000.000.000
- Ông Nguyễn Anh Hùng			10.000.000.000
- Ông Nguyễn Anh Quang			30.000.000.000
- Các cổ đông khác	57,55%	258.704.515.000	
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	100%	449.530.000.000	226.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ SH	Số kỳ này	Số kỳ trước
- Vốn góp đầu năm	226.000.000.000	31.457.368.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	223.530.000.000	201.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		6.457.368.000
- Vốn góp cuối kỳ	449.530.000.000	226.000.000.000

d) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển		
- Quỹ dự phòng tài chính	21.815.431.550	2.253.982.547

12. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng	1.542.655.267.751
- Doanh thu trao đổi dịch vụ	1.42.655.267.751
Cộng tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.42.655.267.751

13. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu thương mại	
- Giảm giá hàng bán	
- Hàng bán trả lại	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	
- Thuế xuất khẩu	
	Số kỳ này

14. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu thuần trao đổi SP, hàng hóa	1.542.655.267.751
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	
Cộng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.542.655.267.751

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ : GIA, KP4, đường Đông Khởi, Phường Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Số kỳ này
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	369.898.983.108
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	
Cộng giá vốn hàng bán	369.898.983.108
16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Số kỳ này
- Lãi bán hàng trả chậm	20.374.909
- Lãi cho vay	1.286.333.334
- Tiềm hỗ trợ lãi suất của ngân hàng	575.662.222
- Chênh lệch tỷ giá	1.097.184.189
- Lãi tiền gửi	1.131.469.243
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	4.111.023.899
17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Số kỳ này
- Lãi tiền vay	13.484.934.137
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.756.131.612
Cộng chi phí tài chính	59.241.065.749
18. THU NHẬP KHÁC	Số kỳ này
- Thu nhập từ tiền bồi thường hợp đồng	194.403.062
- Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	639.281.703
- Thu nhập khác	762.311.837
Cộng thu nhập khác	1.596.002.602
19. CHI PHÍ KHÁC	Số kỳ này
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	641.897.081
- Chi phí bồi thường và nộp phạt	777.093.777
- Chi phí khác	3.425.749.102
Cộng chi phí khác	4.844.739.960
20. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	Số kỳ này
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	20.873.346.394
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện	
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	20.873.346.394
21. SỐ LIỆU SO SÁNH	
Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009 được điều chỉnh theo số dư cuối năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (A.ASCS).	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đỗ Thị Kim Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOANTổng Giám Đốc
Phạm Thị Hồng

Lập, ngày 5 tháng 12 năm 2009

Kiểm Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

9 tháng đầu năm 2009

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	03 - 04
Báo cáo Kiểm toán	05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2009	06 - 08
Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2009	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 9 tháng đầu năm 2009	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009	11 - 22



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là : Sản xuất thép (không sản xuất tại trụ sở). Mua bán, đại lý kỹ gửi hàng hóa, vật liệu xây dựng, sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu, ống nước, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp và phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội thất. Môi giới thương mại. Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Lắp trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Gia công cơ khí. Sửa chữa máy nông nghiệp (không bao gồm sửa chữa tại trụ sở). Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Bổ sung: Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô. Đại lý mua bán, kỹ gửi hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại cơ sở). Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kinh doanh khu thương mại- dịch vụ, khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư kinh doanh cầu, cảng, bến bãi, kho bãi, nhà xưởng. Trồng rừng và khai thác rừng trồng. Mua bán, chế biến gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp và không chế biến tại trụ sở)/

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Anh Hùng	Ủy viên HĐQT
- Ông Đào Đức Toàn	Ủy viên HĐQT

Ban kiểm soát

- Bà Trương Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Hồng Liễu	Thành viên ban kiểm soát
- Bà Cao Thị Hoài Thu	Thành viên ban kiểm soát

Ban tổng giám đốc

- Bà Phạm Thị Hồng	Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Quang	Phó tổng giám đốc
- Ông Dương Quang Bình	Phó tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó tổng giám đốc
- Bà Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng

0889
 CÔNG TY
 BIÊN HÒA
 ĐẦU TƯ VÀO
 KẾ TOÁN
 NAM
 HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Biên Hòa, ngày 05 tháng 12 năm 2009.



TM. Ban Giám đốc

Tổng giám đốc

Tổng Giám Đốc
Phạm Chí Hồng



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3820 5944 - Fax: (84.8) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn - Website: www.aascs.com.vn

Số: *665*/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009 của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Kính gửi: - Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2009 được lập ngày 05 tháng 12 năm 2009 của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên tại ngày 30 tháng 9 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 12 năm 2009

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Đỗ Khắc Thanh
Chứng chỉ KTV D0064/KTV

Đinh Thế Đường
Chứng chỉ KTV 0342/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ : GIA, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		391.600.783.604	111.166.495.399
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	7.860.384.926	6.068.545.327
1. Tiền	111		7.860.384.926	6.068.545.327
2. Các khoản tương đương tiền	112			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2	192.028.129.874	39.692.647.968
1. Phải thu khách hàng	131	2.1	119.208.725.387	39.277.964.475
2. Trả trước cho người bán	132	2.2	2.819.404.487	413.638.075
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	2.3	70.000.000.000	1.045.418
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	3	185.173.140.557	51.569.816.277
1. Hàng tồn kho	141		185.173.140.557	51.569.816.277
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4	6.539.128.247	13.835.485.827
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.1	402.689.974	689.974.026
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.2	0	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	4.3		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.4	6.136.438.273	13.145.511.801
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		339.626.248.832	166.302.906.610
II. Tài sản cố định	220		12.458.214.784	14.061.217.327
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	12.432.032.966	14.061.217.327
- Nguyên giá	222		26.293.516.334	25.988.338.997
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.861.483.368)	(11.927.121.670)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		26.181.818	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	326.726.500.000	151.726.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	6.1	271.726.500.000	151.726.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	6.2	48.000.000.000	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6.3	7.000.000.000	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260	7	441.534.048	515.189.283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7.1	201.786.191	275.441.426
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	7.2	239.747.857	239.747.857
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		731.227.032.436	277.469.402.009

0020501
CÔNG TY
TÁCH NHIỆM
 DỊCH VỤ TƯ
 VẤN CHỈNH KẾ
 TOÁN VÀ KIỂM T
 PHÍA NAM
 TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ : GIA, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		235.087.668.424	41.537.208.181
I. Nợ ngắn hạn	310	8	235.087.668.424	41.537.208.181
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	8.1	140.174.440.023	7.175.707.611
2. Phải trả người bán	312	8.2	84.137.459.689	31.965.120.424
3. Người mua trả tiền trước	313	8.3	139.557.933	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8.4	9.939.118.441	2.184.826.143
5. Phải trả người lao động	315	8.5	452.518.484	
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	8.6	244.573.854	211.554.003
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		496.139.364.012	235.932.193.828
I. Vốn chủ sở hữu	410	9	494.326.272.731	228.253.982.547
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		449.530.000.000	226.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.253.982.547	2.253.982.547
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		42.542.290.184	
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.813.091.281	7.678.211.281
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.813.091.281	7.678.211.281
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		731.227.032.436	277.469.402.009



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

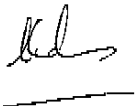
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)		2,998	2,024.15
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 5 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Đào Thị Kim Dung

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)


Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN

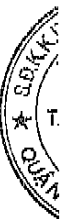
Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Tổng Giám Đốc

Phạm Thị Hồng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

9 tháng đầu năm 2009

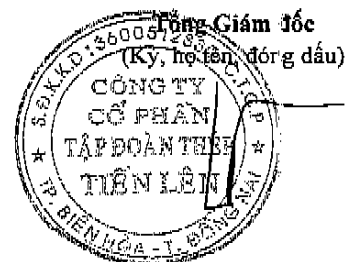
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	10	1.119.377.752.636	991.030.421.962
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	11		336.960.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	12	1.119.377.752.636	990.693.461.962
4. Giá vốn hàng bán	11	13	1.033.253.947.490	928.163.922.783
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		86.123.805.146	62.529.539.179
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	1.396.244.866	5.202.747.561
7. Chi phí tài chính	22	15	22.168.642.220	14.236.371.989
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.791.400.037	8.990.768.099
8. Chi phí bán hàng	24		7.041.499.422	9.099.408.779
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.949.265.766	2.100.048.734
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		55.360.642.604	42.296.457.238
11. Thu nhập khác	31		268.673.462	3.504.827.537
12. Chi phí khác	32		3.351.900.517	56.736.650
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.083.227.055)	3.448.090.887
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		52.277.415.549	45.744.548.125
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	9.735.125.365	12.808.473.475
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		42.542.290.184	32.936.074.650
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Lập, ngày 5 tháng 1 năm 2009

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đào Thị Kim Dung

Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN

Tổng Giám Đốc

Phạm Chí Dũng

4302050
CÔNG
TÁCH NHIỆM
NẠCH VỤ T
I CHÍNH K
VÀ KIỂM T
PHÍA N
TP. HỒ

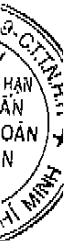
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ : GIA, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)**9 tháng đầu năm 2009*

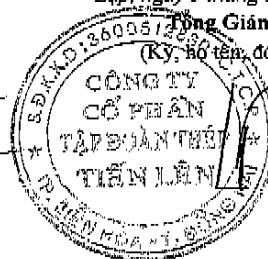
Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế 9 tháng
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1		52.277.415.549
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2		1.934.361.698
- Các khoản dự phòng	3		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(1.800.244.750)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(888.249.110)
- Chi phí lãi vay	6		4.791.400.037
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		56.314.683.424
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(152.442.481.906)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(133.603.324.280)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		52.864.050.046
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		360.939.287
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.791.400.037)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.047.447.580)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		176.998.907.689
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(102.992.949.469)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(199.339.022.825)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(161.675.173)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		70.000.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(75.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		888.249.110
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(244.273.426.063)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		223.530.000.000
2. Tiền chi trả nợ vay	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		347.185.130.335
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.311.658.258)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		55.403.472.077
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.791.023.189
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.068.545.327
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		816.411
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		7.860.384.926



Lập, ngày 5 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN

Tổng Giám Đốc

Đào Thị Kim Dung

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2009

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ công ty TNHH Thép Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 449.530.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thép (không sản xuất tại trụ sở). Mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa, vật liệu xây dựng, sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu, ống nước, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp và phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội thất. Môi giới thương mại. Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Lắp trang thiết bị cho các công trình xây dựng, Địa công cơ khí. Sửa chữa máy nông nghiệp (không bao gồm sửa chữa tại trụ sở). Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Bổ sung: Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại cơ sở). Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kinh doanh khu thương mại-dịch vụ, khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư kinh doanh cầu, cảng, bến bãi, kho bãi, nhà xưởng. Trồng rừng và khai thác rừng trồng. Mua bán, chế biến gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp và không chế biến tại trụ sở)./

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- 1. Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Chế độ kế toán áp dụng:

- Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- 1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo ngày.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không áp dụng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**3.1 Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Không phát sinh.

4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng: Không phát sinh.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế theo giá gốc.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

6. Hợp đồng thuê tài chính: Không phát sinh.

7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không phát sinh.

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

00500
ĐỒNG
TRƯỞNG
KIỂM T
HÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

8.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh

8.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

8.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8.5 Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: không phát sinh

9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

9.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

9.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

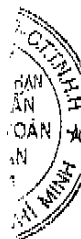
10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

10.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

11. Kế toán các hoạt động liên doanh:

11.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

11.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm: không phát sinh

14. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

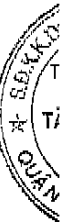
Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;

- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);

- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

15. Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi: Không phát sinh**16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: Không phát sinh****17. Nguồn vốn chủ sở hữu:****17.1 Ghi nhận cổ tức:**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

17.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**18.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

18.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

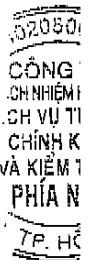
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

18.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

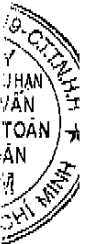
Địa chỉ : GIA, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2009

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1- Tiền mặt (VND)	4.602.550.263	213.603.708
1.2- Tiền gửi ngân hàng	3.257.834.663	5.854.941.619
<i>a- TGNH (VND)</i>	<i>3.206.768.066</i>	<i>5.820.475.687</i>
- NH SGTT chi nhánh Hưng Yên	1.221.591	1.489.808
- NH VIETCOMBANK KCN BH	107.332.418	42.145.373
- NH TMCP Nam Việt	4.271.148	1.015.126
- NH SGTT chi nhánh Hà Nội	15.131.053	5.162.358
- NH VIETCOMBANK P.Giao dịch Đồng Nai	540.691.396	4.658.508.187
- NH Công Thương KCN Biên Hòa	977.556.176	1.019.282.660
- NH VIETCOMBANK ĐN	16.362.290	9.273.938
- NH TMCP SGTT chi nhánh Đồng Nai	989.148.105	57.941.008
- NH TMCP Quốc Tế VN CN Đồng Nai	6.081.388	5.247.454
- NH Á Châu	307.335.496	18.511.421
- NH TM Xuất Nhập Khẩu (*)		215.477
- NH Đầu Tư- Phát triển Đồng Nai (*)		1.682.877
- NH Đông Á	158.287.941	
- NH TMCP Kỹ Thương VN- PGD Tam Hiệp	2.844.701	
- NH TMCP Quân Đội- CN Đồng Nai	74.025.271	
- NH SACOMBANK CN Tân Phú	672.901	
- NH Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn	5.806.191	
<i>b- TGNH (USD)</i>	<i>51.066.597</i>	<i>34.465.932</i>
- NH TMCP Quốc Tế CN ĐN (usd)	1.705.331	1.701.095
- NH TMCP SGTT chi nhánh Hà Nội (usd)	1.804.678	2.050.822
- NH Ngoại Thương KCN BH (usd)	9.123.891	5.150.143
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín ĐN (usd)	4.598.061	6.855.482
- NH Ngoại Thương ĐN (usd)	7.960.631	8.115.855
- NH Công Thương KCN (usd)	10.389.761	10.456.644
- NH TMCP SGTT chi nhánh Tân Phú	14.935.951	
- NH Quân Đội	548.271	
- NH TM Xuất Nhập Khẩu (*)		135.891
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	7.860.384.926	6.068.545.327
2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.1- Phải thu khách hàng	119.208.725.387	39.277.964.475
- Công ty TNHH SX & Lắp ráp Ô tô Chu Lai -Trường Hải		457.134.371
- Công ty TNHH An Hưng	84.659.171	
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Hoa Lư	200.989.311	
- Công ty CP LILAMA 45-4	1.305.656.941	
- Chi Nhánh Công Ty CP Đầu Tư- TM SMC		493.403.056
- Chi nhánh Công ty CP Kim Khí Hà Nội Tại HCM	745.506.221	17.521.195
- CHIPMONG SELLING B.MATERIAL&CONSTRUCTION CO.,LTD		68.366.892
- Công ty CP ĐT- TM SMC	40.656.001	187.401.615
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Đầu Tư- Phú Sỹ		1.607.184.749
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Cao (HITECHCO)	950.597.301	83.367.317
- Công ty TNHH Minh Quân		260.634.640
- Công ty TNHH Nam Hòa		9.489.001



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Công ty TNHH Nhật Trường Vinh	839.576.27	862.973.816
- Công ty TNHH Quang Thu	15.434.458.08	446.545.252
- Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Đại Phúc	22.803.731.67	24.112.806.533
- Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Bắc Việt	31.520.99	1.877.167.902
- Công ty TNHH Sản Xuất - VT- Thương Mại Đại Trường Thịnh	218.714.60	445.578.050
- Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Minh Tiến	18.160.531.03	5.966.400
- Công ty TNHH SX TM CK Hồng Châu		68.658.164
- Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Thép Toàn Thiên	204.282.71	136.877.460
- Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Ngân Hà	219.563.94	124.322.460
- Công ty TNHH Thương Mại An Tùng	198.002.38	917.302.344
- Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Thép Khương Mai	260.560.02	307.625.278
- Công ty TNHH Thương Mại Hoàn Phúc		71.802.090
- Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Thiên Phúc Lộ	136.383.45	28.646.674
- Công ty TNHH Thương mại Tân Nghệ An	582.364.96	159.941.966
- Công ty TNHH Thương mại Thép Nam Việt	88.559.41	1.324.874.884
- Công ty TNHH Thương Mại Vận Tài Sản xuất Trung Nam		1.348.555.270
- Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ VINA Hoàng Dũng	2.595.621.52	1.380.091.090
- Công ty TNHH Thương mại Sản Xuất Cơ Khí Quốc Thanh	1.101.153.37	427.763.388
- Công ty TNHH Thương mại SX Dịch Vụ Lê Hoàng Minh	93.312.61	28.556.152
- Công ty TNHH Thương mại Thép Việt Kim	3.095.70	220.641.335
- Công ty TNHH Thương mại Xây Dựng Khải Cường	1.386.953.17	440.885.122
- DNTN Đại Ngọc Đức	402.574.59	110.866.778
- DNTN Cao Duy		101.981.661
- DNTN Nam Thịnh		307.600.000
- DNTN Thương Mại Gia Công ST Nam Trung	340.137.29	283.100.000
- DNTN Thương Mại Hoàng Diệu	185.560.06	289.230.403
- DNTN Thương Mại Sơn Quốc	842.575.73	71.455.270
- HTX Cơ Khí & Thương Mại 2/9		191.645.897
- Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Đỗ Nga	196.141.41	
- Công ty TNHH An Mỹ	249.135.86	
- Công ty TNHH SX& TM Thép Ngọc Phát	736.539.87	
- Công ty TNHH MTV Hoàng Mã	77.790.16	
- DNTN Sản xuất & Thương Mại Thanh Thái Thịnh	285.924.44	
- DNTN Bình Phước	2.897.99	
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	619.356.56	
- Công ty TNHH Thép Đình Nguyễn	643.242.51	
- DNTN TMDV Minh Mai	421.614.05	
- DNTN Đài Nam	607.766.42	
- Công ty TNHH Thép Minh Quân	354.062.25	
- Công ty TNHH TMDV Cơ Khí Đại Thắng	1.482.624.14	
- Công ty TNHH TMDV Khải Hoàn	1.459.804.49	
- Công ty TNHH TM Tam Phúc Thành	10.663.784.79	
- Công ty TNHH TMDV XD Gia Ngân	4.491.42	
- Công ty TNHH Phung Tiến	37.290.47	
- Công ty TNHH TM Quang Thịnh	40.800.37	
- Công ty TNHH TM Thép Xanh	46.944.01	
- Công ty Cổ Phần Lê Việt	74.235.06	
- DNTN Phước Bình	85.288.53	
- Công ty CP Đóng Mối và Sửa Chữa Tàu Biển Chim Ưng	86.210.40	
- DNTN Châu Ngọc Quyên	88.121.50	



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Công ty TNHH XD Võ Đắc	95.682.536	
- Công ty TNHH XD Nam Bình	131.999.976	
- Trung Tâm TM VLXD- Chi Nhánh Công ty CP Xây Lắp Thương	133.390.561	
- Trường Trung Học Phổ Thông Nguyễn Khuyến	188.800.196	
- Công ty Cổ Phần Thép Hưng Thịnh	250.730.406	
- Công ty TNHH Huy Thiện	300.020.831	
- Công ty TNHH Vàng Bạc Đá Quý Ngọc Phát	311.771.321	
- Công ty Cổ phần CK TV XD DV Minh Việt Sơn	315.796.111	
- Công ty TNHH TMDV Cơ Khí Tuấn Phát	320.826.311	
- Công ty TNHH TMDV Cơ Khí Tuấn Phát	333.721.306	
- Công ty TNHH MTV SXTM CD Trường Hải	554.394.021	
- Công ty TNHH MTV SX & KD Thép Chu Lai Trường Hải	1.004.812.751	
- Công ty Cổ Phần Thép Bắc Nam	27.545.413.631	
2.2-Trả trước cho người bn	2.819.404.487	413.638.075
- PAN KOREA METAL COMPANY		323.697.549
- Chi nhánh công ty TNHH Thẩm Định Giá VINACONTROL		10.000.000
- Công ty TNHH Tư Vấn Quản lý I.M.C.C	22.500.000	22.500.000
- Công ty Cổ Phần Thép & Vật liệu Xây Dựng		23.742.526
- LCT LAWYERS		33.698.000
- Chi nhánh công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng _XN Xếp Hoàng Diệu	78.473.771	
- Công ty TNHH DV Tư TC KT-KT Phía Nam	30.000.000	
- Salzgitter Mannesmann International(ASIA)Pte Ltd	2.279.822.811	
- XN bán lẻ XD _Công Ty Xăng Dầu Khu Vực II	7.070.280	
- Công ty Phần mềm tài chính kế toán (FAST)_VP TPHCM	11.500.000	
- Công ty CP Bắc Hà Miền Trung	25.000.000	
- Công ty TNHH TM & XD Tiến Đạt	32.667.791	
- AGZI LCT Joint Venture Law Firm	37.819.811	
- Công ty CP ĐT& XD Việt Kiến Minh	40.000.000	
- Công ty CP Thủy Sản	117.000.000	
- Công ty CP Truyền Thông và Sự kiện Đan Nguyên	137.550.000	
2.3- Các khoản phải thu khác	70.000.000.000	1.045.418
- Phải thu công ty Bắc Nam	70.000.000.000	
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nộp thừa		1.045.418
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	192.028.129.874	39.692.647.968

2050886
 CÔNG TY
 TNHH HỮU
 H VỊ TƯ VẤN
 HÌNH KẾ T
 KIỂM TOÁN
 HIA NAM
 TP. HỒ C

3. HÀNG TỒN KHO**3.1- Giá gốc hàng tồn kho**

- Nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí SX KD DD
- Hàng hóa

3.2- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)**Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3.1- Giá gốc hàng tồn kho	185.173.140.557	51.569.816.277
- Nguyên liệu, vật liệu	1.312.478.871	1.311.283.795
- Chi phí SX KD DD	4.590.409.571	3.793.135.011
- Hàng hóa	179.270.252.115	46.465.397.471
3.2- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)		
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	185.173.140.557	51.569.816.277

4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**4.1- Chi phí trả trước ngắn hạn****4.2- Thuế GTGT được khấu trừ****4.3- Thuế và các khoản phải thu nhà nước****4.4- Tài sản ngắn hạn khác**

- Ký quỹ NH INCOMBANK KCN BH (# 179,203 USD)
- Ký quỹ NH VIETCOMBANK KCN BH

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4.1- Chi phí trả trước ngắn hạn	402.689.974	689.974.026
4.2- Thuế GTGT được khấu trừ	0	
4.3- Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
4.4- Tài sản ngắn hạn khác	6.136.438.273	13.145.511.801
- Ký quỹ NH INCOMBANK KCN BH (# 179,203 USD)	3.193.514.271	2.538.723.603
- Ký quỹ NH VIETCOMBANK KCN BH		1.327.601.400

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Kỳ quỹ NH SACOMBANK DONG NAI	9.279.186.798
- Kỳ quỹ NH VIBANK CN DONG NAI(# 159,250 USD)	2.835.924.000
Tạm ứng	107.000.000
Cộng tài sản ngắn hạn khác	6.539.128.247
	13.835.485.827

5. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Máy móc thiết bị	Nhà cửa vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ QL	Phương tiện vận tải, TD	TSCĐHH khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	5.032.887.555	4.477.943.492	204.215.032	16.009.422.415	263.870.503	25.988.338.997
2. Tăng trong năm	56.747.638		248.429.699			305.177.337
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	56.747.638		248.429.699			305.177.337
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	5.089.635.193	4.477.943.492	452.644.731	16.009.422.415	263.870.503	26.293.516.334
II. Giá trị hao mòn LK						
1. Số dư đầu năm	2.841.681.253	3.623.634.257	136.269.509	5.292.036.235	33.500.410	11.927.121.670
2. Tăng trong năm	485.990.049	86.539.878	48.366.720	1.280.481.239	32.983.812	1.934.361.698
<i>- Khấu hao trong năm</i>	485.990.049	86.539.878	48.366.720	1.280.481.239	32.983.812	1.934.361.698
<i>- Tăng khác</i>						
3. Giảm trong năm						
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	3.327.671.302	3.710.174.135	184.636.229	6.572.517.474	66.484.228	13.861.483.368
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	2.191.206.302	854.309.235	67.945.523	10.717.386.180	230.370.083	14.061.217.327
2. Tại ngày cuối năm	1.761.963.891	767.769.357	268.008.502	9.436.904.941	197.386.271	12.432.032.966

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6.1- Đầu tư vào công ty con	271.726.500.000	151.726.500.000
- Đầu tư vào công ty Đại Phúc	115.000.000.000	45.000.000.000
- Đầu tư vào công ty Tây Nguyên	156.726.500.000	106.726.500.000
6.2- Đầu tư vào công ty liên kết (Công ty CP Thép Bắc Nam)	48.000.000.000	
6.3- Đầu tư dài hạn khác (700.000 cp của Công ty CPSXTM Phúc Tiến)	7.000.000.000	
Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	326.726.500.000	151.726.500.000

7. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
7.1- Chi phí trả trước dài hạn	201.786.191	275.441.426
- Công cụ, dụng cụ	201.786.191	275.441.426
7.2-Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	239.747.857	239.747.857
Cộng tài sản dài hạn khác	441.534.048	515.189.283

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

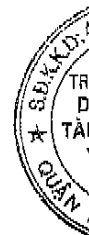
Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

8. NỢ NGẮN HẠN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
8.1- Vay và nợ ngắn hạn	140.174.440.023	7.175.707.611
- NH Công Thương KCN (VNĐ)	30.056.722.210	4.282.622.944
- Nguyễn Thị Thám		774.000.000
- Nguyễn Thị Oanh		419.084.667
- Vay ngắn hạn NH VIETCOMBANK_CN Biên Hòa(VNĐ)	19.419.168.54	
- Vay ngắn hạn NH SACOMBANK_CN Đồng Nai (VND)	78.189.732.54	
- Phạm Thị Hằng		200.000.000
- Nguyễn Văn Quang		1.500.000.000
- Vay ngắn hạn NH TMCP Quốc Tế VN-VIB Bank(VNĐ)	12.508.816.72	
8.2- Phải trả người bán	84.137.459.689	31.965.120.424
- Công ty TNHH Hoàng Gia Phú		8.750.000
- Trạm Xăng Dầu Ngã Ba Vũng Tàu - Công Ty Tín Nghĩa	16.406.500	32.178.500
- Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Nhật Việt.S	10.000.000	6.500.000
- Công ty Cổ Phần Thép Hàn Việt		2.372.795.924
- Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	6.622.264.65	8.922.096.237
- Báo Minh _ Đồng Nai (Tổng Cty CP Báo Minh)	1.134.000	739.000
- Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thép Đại Nam		593.532.573
- Công ty Cổ Phần Niêm Giám Điện Thoại và Trang Vàng 2-VN		72.875.000
- Công ty Thương mại Thép Tuyển Năng		162.965.841
- Công ty TNHH TM & XD Tiến Đạt		19.792.687.349
- Công ty Cổ Phần KT & PT KV Tân Tạo	121.805.81	
- Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Phúc Tiến	27.485.010.224	
- Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Phúc Tiến- Vĩnh Phúc	21.467.622.705	
- Công ty Cổ Phần Thương Mại - VT Đông Đô	173.350.800	
- Công ty TNHH GNVN Trường Vinh	102.000.000	
- Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Bến Nghé	172.983.395	
- Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Phúc Tiến- Hưng Yên	27.964.881.595	
8.3- Người mua trả tiền trước	139.557.933	
- DNTN Thương Mại Sản Xuất Vi Văn	15.000.000	
- Công ty TNHH XL Dương Hải Ngân	24.557.933	
- Công ty Cổ Phần Thép Đặc Biệt PROVISION	100.000.000	
8.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.939.118.441	2.184.826.143
- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	48.124.083	115.849.237
- Thuế xuất, nhập khẩu	148.802.197	
- Thuế thu nhập Doanh nghiệp	9.735.125.365	2.047.447.580
- Thu thu nhập cá nhân	7.066.795	11.529.326
- Thuế môn bài	-	10.000.000
8.5- Phải trả người lao động	452.518.484	
8.6- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	244.573.850	211.554.003
- Kinh phí công đoàn	210.665.100	187.320.680
- Bảo hiểm xã hội	27.130.000	20.285.785
- Bảo hiểm y tế	4.067.250	3.947.538
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.711.500	
Cộng nợ ngắn hạn	235.087.668.424	41.537.208.181

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ : GIA, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

KHOẢN MỤC	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn CP	Vốn khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	31.457.368.000			16.428.075.508	31.457.368.000
Tăng vốn trong năm trước	201.000.000.000				201.000.000.000
Lãi trong năm trước				22.671.113.724	
Tăng khác			2.253.982.547,00		2.253.982.547
Giảm vốn trong năm trước	6.457.368.000				6.457.368.000
Lỗ trong năm trước				39.099.189.232	
Giảm khác					
Số dư cuối năm trước.					
Số dư đầu năm nay	226.000.000.000		2.253.982.547		228.253.982.547
Tăng vốn trong kỳ này	223.530.000.000				223.530.000.000
Lãi trong kỳ này				42.542.290.184	42.542.290.184
Tăng khác					
Giảm vốn trong kỳ này					
Lỗ trong năm nay					
Giảm khác					
Số dư cuối năm nay	449.530.000.000		2.253.982.547	42.542.290.184	494.326.272.731

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Bà Phạm Thị Hồng	23%	103.594.000.000	33.170.275.520
- Ông Nguyễn Mạnh Hà	25%	113.499.000.000	28.392.514.080
- Ông Nguyễn Văn Quang	21%	92.437.000.000	24.437.210.400
- Ông Phạm Minh Đức	7%	30.000.000.000	30.000.000.000
- Ông Phạm Duy Quang	4%	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ông Lê Văn Trọng	2%	10.000.000.000	10.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	6%	25.000.000.000	25.000.000.000
- Ông Phạm Minh Tuấn	3%	15.000.000.000	15.000.000.000
- Ông Nguyễn Anh Hùng	2%	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ông Nguyễn Anh Quang	7%	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	100%	449.530.000.000	226.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ SH	Số kỳ này	Số kỳ trước
- Vốn góp đầu năm	226.000.000.000	31.457.368.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	223.530.000.000	201.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		6.457.368.000
- Vốn góp cuối kỳ	449.530.000.000	226.000.000.000

10. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số kỳ này	Số kỳ trước
- Doanh thu bán hàng	1.119.156.464.660	991.030.421.962
- Doanh thu trao đổi dịch vụ	221.287.976	
- Doanh thu XD		
Cộng tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.119.377.752.636	991.030.421.962

11. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Số kỳ này	Số kỳ trước
- Giảm giá hàng bán		336.960.000
Cộng các khoản giảm trừ doanh thu		336.960.000

12. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số kỳ này	Số kỳ trước
- Doanh thu thuần trao đổi SP, hàng hóa	1.119.156.464.660	990.693.461.962
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	221.287.976	
Cộng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.119.377.752.636	990.693.461.962

205066
 ÔNG T
 NHÌEM H
 H VỤ TƯ'
 MINH KẾ
 KIỂM TC
 HIA NA
 VP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

13. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của hàng hóa đã bán

Cộng giá vốn hàng bán

Số kỳ này	Số kỳ trước
1.033.253.947.490	928.163.922.783
1.033.253.947.490	928.163.922.783

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi

- Lãi trả chậm

- Chênh lệch tỷ giá

Cộng doanh thu hoạt động tài chính

Số kỳ này	Số kỳ trước
888.249.110	92.923.367
4.146.949	
503.848.807	5.109.824.194
1.396.244.866	5.202.747.561

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay

- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Cộng chi phí tài chính

Số kỳ này	Số kỳ trước
4.791.400.037	8.990.768.099
17.377.242.183	5.245.603.890
22.168.642.220	14.236.371.989

16. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành

Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành

Số kỳ này	Số kỳ trước
9.735.125.365	12.808.473.475
9.735.125.365	12.808.473.475

17. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ

Chỉ tiêu

a- Tổng lợi nhuận trước thuế

b- Các khoản điều chỉnh tăng

- Chi phí không hợp lệ

c- Các khoản điều chỉnh giảm

d- Tổng thu nhập chịu thuế (d=a+b-c)

e- Thuế TNDN phải nộp

f- Thuế TNDN giảm theo TT 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009

g- Lợi nhuận sau thuế TNDN (g=a-e+f)

Số kỳ này	Số kỳ trước
52.277.415.549	45.744.548.125
3.351.872.249	
3.351.872.249	
55.629.287.798	45.744.548.125
13.907.321.949	12.808.473.475
4.172.196.585	
42.542.290.184	32.936.074.650

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009 là số dư cuối năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

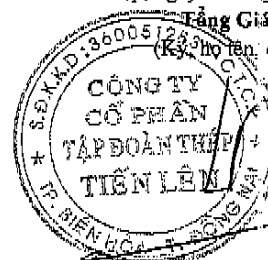
Đỗ Thị Kim Dung

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN

Lập, ngày 5 tháng 12 năm 2009

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Hồng